

Bài tham luận của **GS. Peter Dutton**, Viện nghiên cứu Biển Trung Quốc, Học viện Học viện Quân Hoa Kỳ phân tích về 3 tranh chấp (chợ quyền, quyền tài phán và vấn đề kiểm soát) và 3 mục tiêu của Trung Quốc (hội nhập khu vực, kiểm soát tài nguyên và tăng cường an ninh). Bài viết kết luận rằng 3 tranh chấp trong Biển Đông là nguồn cơn của sự bất ổn định và thậm chí là xung đột trong hơn 4 thập kỷ qua, và kêu gọi các quốc gia có liên quan tập trung vào lợi ích chung để duy trì hòa bình khu vực hơn là theo đuổi lợi ích riêng của quốc gia mình.

[PDF file](#)



Việc gia tăng căng thẳng gần đây giữa Trung Quốc và các nước láng giềng của nước này về chợ quyền, tài nguyên, và an ninh trong vùng biển Đông đã thu hút sự chú ý của các nhà lãnh đạo ngoại giao và quân sự Hoa Kỳ, những người luôn tìm cách thúc đẩy sự ổn định và an ninh ở các vùng biển có tính quan trọng toàn cầu này. Khi các nhà lãnh đạo Mỹ thảo luận những chính sách và chiến lược họ triển khai khu vực, một số đã mô tả bản chất các tranh chấp phức tạp ở vùng biển Đông như là một nút thắt duy nhất của những thách thức đầy cam go. Trên thực tế có thể phân chia thành ba loại tranh chấp, mỗi loại đều có những người bên liên quan, luật chơi và hoạt động chính trị riêng. Thật không may, các chính quyền ở khu vực đang theo đuổi những giải pháp một-một còn cho ba tranh chấp này diễn ra trên những tuyên bố căng thẳng về chợ quyền và thậm chí quy định pháp lý riêng biệt. Một phân tích kỹ lưỡng về bản chất của mỗi tranh chấp đã mở ra những câu hỏi cho nhiều cách thức hữu ích để giải quyết tranh chấp này dựa trên việc giải lợi ích sự châu Á về những nguyên tắc giải quyết vấn đề “các bên cùng thắng” dựa trên những lợi ích chung.

I. Ba tranh chấp

Có ba loại tranh chấp ở biển Đông, mỗi loại đều có các bên liên quan, luật chơi, hoạt động chính trị và các vấn đề an ninh liên quan. Những tranh chấp này đã dẫn đến sự tái diễn những căng thẳng và xung đột trong khoảng bốn mươi năm. Những sự kiện bất ngờ quyên bao gồm cuộc tấn công của Trung Quốc vào các đảo thuộc của Việt Nam Cộng Hòa tại quần đảo Hoàng Sa vào năm 1974, Trung Quốc tấn công vào quần đảo Việt Nam gần đảo Chà thập (Fiery Cross Reef) vào năm 1988, và vào năm 1995, Philippines đã hất cẳng quân đội Trung Quốc khỏi đảo Vành Khăn (Mischief Reef). Kết quả của hàng loạt các sự kiện này là sự hình thành của một lập trường chính trị thống nhất của ASEAN để phản đối hành vi của Trung Quốc và để giảm bớt căng thẳng với các nước láng giềng, Trung Quốc chấp nhận bản Tuyên bố năm 2002 với ASEAN về Cách ứng xử của các bên ở Biển Đông, trong đó bao gồm thừa nhận “giới quy tắc các tranh chấp lãnh thổ và thềm quyền pháp lý bằng phương pháp hòa bình mà không cần đến sự đe dọa hoặc sử dụng vũ lực...” [1] Điều tiếp theo chính là 15 năm căng thẳng yên tĩnh trong khu vực do Trung Quốc theo đuổi chính sách hội nhập với các nước láng giềng khu vực Đông Nam Á qua các chương trình văn hóa, thương mại, xã hội và kinh tế hào phóng.

Hoa Kỳ nhiều lần bày tỏ thái độ trung lập đối với các kết quả liên quan đến các tranh chấp về chủ quyền và thềm quyền pháp lý miễn là tất cả các bên tiếp tục theo đuổi các biện pháp hòa bình trong việc giải quyết tranh chấp. Listen

Read phonetically

Dictionary - [View detailed dictionary](#)

Sơ đồ định này đã bẻ phá và bẻ nát loạt các hành động hiêu chí của Trung Quốc. Sơ búng nà cũng thng gnn đây à Biển Đông lri btt đou khi Trung Quốc gây áp lrc đoi vói Việt Nam và mtt sđ công ty đou mđ vđ viđc thđm dò và khoan đou ngoài khđi trên bđ biđn của Việt Nam. Nhđ Phó Trđ lý Ngođi trđđng Hoa Kđ Scot Marciel đđ xác nhđn trđđc đy ban đđi ngođi Thđđng viđn vào thđng Bđy nđm 2009 rđng: "Btt đou tđ mùa hè nđm 2007, Trung Quốc đđ yêu cầu mtt sđ công ty đou khí của Mđ và nđđc ngoài ngđng viđc khai thác vđi các đđi tác Việt Nam à Biển Đông hođc sđ phđi đđi mtt vđi hđu quđ khôn lđđng trong các giao đđch kinh doanh của hđ vđi Trung Quốc." [2]

Cuđc đđou trđn à Thđđng viđn đđ đđđc tđ chđc trong bđi cđnh của "Sđ kiđn tàu Impeccable" thđng 3 nđm 2009, trong đđ mtt tàu nghiđn của hđi quân Mđ đđ bđ nhđng "ngđ dân" Trung Quốc tđn công mtt cách hung hđn à khođng 70 hđi lý ngoài đđo Hđi Nam, vđi sđ hđ trđ của các tàu dân sđ và quân sđ của Trung Quốc. Lis ten

Read phonetically

Dictionary - [View detailed dictionary](#)

Nhđng hành đđng này của Trung Quốc đđ gây ra sđ tái diđn cũng thđng trong khu vđc. Đáp lri chính sách mđi của Trung Quốc, Ngođi trđđng Mđ Hilary Clinton đđ phát biđu tđi Diđn đđn Khu vđc ASEAN hđi thđng 7 nđm 2010 nhđ sau:

“Hoa Kỳ ủng hộ tiến trình ngoại giao hợp tác của tất cả các bên nhằm giải quyết những tranh chấp lãnh thổ khác nhau mà không có sự cưỡng ép nào. Chúng tôi khuyến khích các bên tiến tới thỏa thuận cho một quy tắc ứng xử toàn diện. Hoa Kỳ, như mọi quốc gia, có lợi ích quốc gia và lợi do hàng hải, quy định tiếp cận mở đối với các vùng biển chung của Châu Á và tôn trọng luật pháp quốc tế ở biển Đông”.
Listen

Listen

Read phonetically

Dictionary - [View detailed dictionary](#)

Cho đến thời điểm này, thực tế chung duy nhất của mọi tranh chấp ở Biển Đông đó là Trung Quốc luôn là bên có liên quan đến tất cả các tranh chấp này. Tuy nhiên, sự chuyển biến của Trung Quốc trong năm 2009 theo hướng quyết đoán, thậm chí hung hãn - đặc biệt là trong nỗ lực kiểm soát các hoạt động hải quân của Mỹ ở Biển Đông - đã gây ra sự chú ý và mối quan tâm của Mỹ đến cả ba loại tranh chấp này. Nhóm tìm kiếm con đường để trở về trạng thái ổn định khu vực như mong muốn, việc xem xét các thực tế của từng loại tranh chấp là vô cùng hữu ích.
Listen

Read phonetically

Dictionary - [View detailed dictionary](#)

—

Chấp quyền. Những tranh chấp và chấp quyền liên quan đến vấn đề trong đó các quốc gia ven biển có quyền thực thi chấp quyền trên lãnh thổ tự nhiên của các đảo ở Biển Đông. Vấn đề này liên quan đến Trung Quốc, Việt Nam, Malaysia, Philippines, Đài Loan và có thể cả Brunei. [3] . Năm 1992, Trung Quốc ra Luật Lãnh hải và Khu vực tiếp giáp, mà cốt lõi là tuyên bố chấp quyền đối với từng nhóm đảo trong biển Đông - quần đảo Pratas-(Đông Sa), quần đảo Hoàng Sa (Xisha), Macclesfield Bank (Trung Sa), và quần đảo Trường Sa (Nansha). Vào năm 1947, chính phủ Trung Hoa Dân Quốc bắt đầu xuất bản bản đồ với một loạt đường kẻ hình chữ U trong vùng Biển Đông để phân định biên giới biển của mình.

[4]

Chính phủ Trung Quốc lập đi lập lại để điếm bản đồ này sau khi Cộng Sản lên nắm quyền ở Đài Loan vào năm 1949 và ngày nay vẫn còn được mô tả trên các bản đồ xuất bản tại Trung Quốc và Đài Loan. Tuy nhiên, bản chất của yêu sách của Trung Quốc đối với việc mở rộng vùng biển và hàng loạt đảo, bãi cát ngầm, bãi đá và đảo nhỏ nằm bên trong chín nét gạch của đường chữ U (hay còn gọi là đường lưỡi bò – nd) của bao giờ được định rõ. Trong số các học giả và quan chức Trung Quốc, xuất hiện bản trường phái tự tưởng chế đảo với ý nghĩa của đường kẻ này, những chính phủ Trung Quốc duy trì một chính sách nghiên cứu mở rộng với ý nghĩa của đường kẻ gạch chín nét này.

Listen

Read phonetically

Dictionary - [View detailed dictionary](#)

Các vùng biển Chấp quyền. Một số nhà phân tích chính sách của Trung Quốc cho rằng vùng biển trong đường kẻ hình chữ U nên được xem là vùng biển chấp quyền của Trung Quốc, tùy theo đo đạc đầy đủ của các quan chức năng chính phủ có thể gọi là nội thủy hoặc lãnh hải. Ví dụ, một nhóm các nhà phân tích quốc phòng cấp cao Trung Quốc đã mô tả các lợi ích ngoài khơi của Trung Quốc như "khu vực mở rộng ra ngoài đường bờ biển của Trung Quốc nằm trong khoảng 200 hải lý (về phía đông) và 1600 hải lý (về phía nam)" hoặc xếp xò đến 4 đảo với bức đường công bố trong báo cáo năm 1935. Hãy xem những "vùng biển trong phạm vi quyền tài phán này của Trung Quốc ... [là] khu vực mở rộng thuộc chấp quyền quốc gia của Trung Quốc." [5] Listen

Read phonetically

Dictionary - [View detailed dictionary](#)

Vùng nước lịch sử . Một số người Trung Quốc đã cho rằng khái niệm "vùng nước lịch sử" cho phép chính phủ xác nhận hợp pháp quyền kiểm soát vùng biển đối với vùng Biển Đông. [6] Khái niệm này là một biến thể của yêu sách đòi chủ quyền của Trung Quốc trên Biển Đông và phản ánh quan điểm của nhiều học giả và các quan chức trọng yếu Trung Quốc rằng đường chín đôn đó thực hiện một số xác nhận đối với vùng nước lịch sử, hoặc "quyền sử hữu" lịch sử, hoặc ít nhất là một số loại đặc quyền lịch sử để quản lý vùng biển và lãnh hải trong địa giới của đường kẻ đó. [7] Có lẽ, tuyên bố có thẩm quyền nhất của pháp luật quốc tế về vấn đề này được ban hành vào năm 1951 bởi Tòa án Tối pháp Quốc tế trong Vụ kiện về việc đánh bắt cá, trong đó có Vành đai Anh đã không thừa nhận tuyên bố của Tòa án Tối pháp Quốc tế Navy về chủ quyền trên vùng biển dựa theo bờ biển hiệem trờ của nước này vượt ra ngoài giới hạn ba dặm lãnh hải truy cập thông tin thời điểm đó.

[8]

ListenRead phonetically

Dictionary - [View detailed dictionary](#)

Tòa xem xét ba yêu tố liên quan sau: 1) sự phụ thuộc liên kết về địa lý của các lãnh hải đối với lãnh thổ đất liền – các phần tiếp nối của bờ biển Na Uy bờ lõm sâu với những đặc điểm địa lý phức tạp và các tính khoáng 120,000 hòn đảo nhỏ, đảo nhỏ, bãi đá và bãi cát; 2) các mối liên hệ gắn liền một cách đầy đủ giữa cấu tạo đất liền và không gian biển để tạo cho khu vực có chủ quyền chủ quyền đầy đủ; và 3) lợi ích

kinh tế

duy nhất thuộc các quốc gia ven biển dựa trên bằng chứng rõ ràng của việc sử dụng lâu dài. Dựa trên đánh giá của mình về những yếu tố này, tòa chấp thuận mở rộng chủ quyền của Na Uy đối với các vùng biển và các đặc tính bao hàm dựa trên các tuyên bố lịch sử của nước này.

Listen

Read phonetically

Dictionary - [View detailed dictionary](#)

Những yêu cầu đặt ra trong Vĩ kiến đánh bắt cá đối với vùng biển quy định của một quốc gia ven biển đối với không gian biển rõ ràng không hề trở cho tuyên bố của Trung Quốc. Một biệt là không có sự phụ thuộc về địa lý chặt chẽ giữa biển và đất liền ở khu vực này. Quốc tế, các đặc tính đất liền không quan trọng nên từ lâu đã được xem như là mối nguy hiểm và hàng hải biển là một khu vực khai thác. Ngoài ra, chính các đảo nhỏ cũng phân tán tổng đối rộng rãi so với các đặc tính đất liền ở các theo bờ biển Na Uy. Như vậy, việc thiếu đất liền vùng biển để tạo cơ hội cho cư dân bản địa sinh sống và sự hiện diện không thường xuyên của ngư dân và thường nhân đã cho thấy rõ rằng khu vực này là không có một quy chế quản lý đầy đủ quy định. Theo đó, yêu cầu của Trung Quốc đối với vùng biển lịch sử của họ được sự ủng hộ yếu ớt dựa trên các cơ sở này.

Liên quan đến vấn đề lợi ích kinh tế duy nhất, Trung Quốc đã có đầy đủ bằng chứng về sự tiếp xúc của ngư dân, thường nhân và quan chức chính phủ với các đảo của Biển Đông trong nhiều thế kỷ, những ghi chép lịch sử cũng phản ánh rằng Việt Nam cũng có những tài liệu tổng thể về sự tiếp xúc với các đảo này và cả hai nước đều không có một hệ thống về việc sử dụng thường xuyên, được quy định, và sự phụ thuộc vào các nguồn tài nguyên biển Đông. Những người dân Philippines, Malaysia và Indonesia cũng duy trì sự tiếp xúc với các hòn đảo này trong việc hỗ trợ các hoạt động đánh bắt cá truyền thống và hỗ trợ thường mại địa phương. Vì vậy, không có bằng chứng ủng hộ cho bất kỳ lợi ích kinh tế duy nhất nào của Trung Quốc, hoặc bất kỳ quốc gia nào trong và xung quanh các đảo của Biển Đông. Hơn nữa bằng chứng đã chứng minh điều ngược lại - rằng các vùng biển ở Biển Đông và hải đảo rạn rạc, đảo nhỏ, bãi đá và bãi san hô trong vùng biển này trong nhiều thế kỷ qua chính là khu vực đánh cá chung và các tuyến đường kinh doanh của tất cả cư dân trong khu vực. Thật vậy, việc sử dụng chung lâu dài này cho thấy rằng thay vì được giám sát như là một khu vực có chế quy định, Biển Đông đã phát triển như là một khu vực sử dụng chung trong đó tất cả các bên theo đuổi lợi ích của mình mà không sự bất quy tắc bởi các quan chức nước của các quốc gia ven biển khác. Listen

Read phonetically

Dictionary - [View detailed dictionary](#)

Tuyên bố chủ quyền đối với đảo . Một số học giả và các nhà hoạch định chính sách của Trung Quốc xem đường chữ U như một sự tuyên bố xác nhận chủ quyền trên tất cả các đảo, bãi đá, cồn cát, san hô và thực tính đất khác khắp vùng biển của Biển Đông, và đối với bất cứ điểm đất liền nào, và cho đến giới hạn mà luật biển quốc tế cho phép các quốc gia ven biển được yêu sách dựa trên chủ quyền đối với các hòn đảo và kích thước nhỏ bé này. Ít nhất là bên ngoài, tuyên bố của Trung Quốc về chủ quyền đối các đảo và phạm vi quyền tài phán bất nguên từ luật này là hợp pháp bởi vì chúng tuân thủ những quy định chung của Công ước Liên Hợp quốc về Luật biển và các khía cạnh khác của luật biển. Tuy nhiên, một loạt các vấn đề của bên làm suy yếu những yêu sách của Trung Quốc, bao gồm một thực thể là Việt Nam, Malaysia, Philippines và Đài Loan đều tuyên bố xác lập chủ quyền đối với một vài hoặc tất cả các đảo ở Biển Đông. Tất cả các Mischief Reef (Ánh vành khỉ) năm 1995 giữa Trung Quốc và Philippines, các bên nguyên đơn đều trong trạng thái tĩnh, mỗi bên chiếm một số điểm.

Tất nhiên, Trung Quốc cũng chiếm giữ và quản lý toàn bộ quần đảo Hoàng Sa, mặc dù Việt Nam vẫn duy trì việc tuyên bố chủ quyền đối với quần đảo này. Trường Sa là một trường hợp phức tạp ở nhiều khía cạnh. Tất cả năm 1996, Việt Nam đã chiếm đóng hoặc kiểm soát khoảng 22 điểm, Trung Quốc 10 điểm, Philippines 8 điểm, Malaysia 4 điểm, và Đài Loan 1 điểm. [9] Các học giả cho một tuyên bố chủ quyền đối một hòn đảo, luật pháp quốc tế đòi hỏi một quốc gia ven biển phải chứng minh được sự chiếm đóng có hiệu quả hoặc sự quản lý và kiểm soát liên tục.

[10]

Trên cơ sở đó, tuyên bố của Trung Quốc rằng các đảo thực quần đảo Trường Sa mà nước này không hề chiếm đóng hoặc quản lý và kiểm soát một cách có hiệu quả đã không được luật pháp quốc tế hỗ trợ. Điều đáng chú ý là những tuyên bố của các bên khác về chủ quyền đối với một điểm nào đó mà họ không thực sự chiếm đóng. Một số nhà quan sát kết luận sai rằng những tuyên bố không

phải của Trung Quốc đưa chđ vào nhđng tuyên bố của các nước Châu Âu tđ thời thuđ đđ. Trong thđc tđ, nhđng tuyên bố của các quốc gia đđng Nam Á ít nhđt phần nào đđ biđu hiđn đđđc sđ liên hđ của cđ dân ven biđn vđi các đđo và vùng biđn trên Biđn đđng trong nhiđu thđ kđ và nhđn thđc quốc gia rđng luđt pháp quốc tđ cđn phải bđo vđ nhđng lđi ích đđ.

Listen

Read phonetically

Dictionary - [View detailed dictionary](#)

Lđi ích an ninh. Cđi cùng, mđt quan đđm thđ tđ của Trung Quốc rđng đđđng kđ hình chđ U phần ánh lđi ích an ninh hàng hđi lâu dài của Trung Quốc đ Biđn đđng và rđng nhđng lđi ích an ninh này phải đđđc pháp luđt bđo vđ. Ngđđi Trung Quốc tđ lâu đđ xem Vđnh Bđt Hđi, Hoàng Hđi, Biđn Hoa đđng, và Nam Hđi (Biđn đđng) là cái đđđc gđi là "các vùng biđn gđn"- nhđ nhđng khu vđc lđi ích chiđn lđđc cđt yđu và mđt phần của mđt chu vi phòng thđ tuyđt vđi đđđc thành lđp trên đđt và trên biđn đđ bđo vđ phần đđng dân sđ Trung Quốc và các trung tâm kinh tđ đđc theo bđ biđn. Theo mđt Thiđu tđđng Quân đđi giđi phóng nhân dân Trung Quốc gđn đđy đđ nói rđng, Biđn đđng bao gđm mđt phần "vành đai đđnh chiđn lđđc" của hàng hđi Trung Quốc.

[\[11\]](#) Listen

Read phonetically

Dictionary - [View detailed dictionary](#)

Sđ quđ quyđt của Trung Quốc vđ yêu sách đđi vđi các vùng nước trong "các vùng biđn gđn" của nước này đđ phát triđn song song vđi quy mô của lđc lđđng hđi quân và đđch vđ hàng hđi của hđ và tđ chính các lđc lđđng này. Theo nhđ mđt nhà phân tích Trung Quốc nói, "Hđi quân chđ là mđt trong nhđng phđđng tiđn bđo vđ quyđn và lđi ích hàng hđi của chúng tôi ... phđđng tiđn chính là đđa vào pháp luđt, luđt

pháp quốc tế và luật trong nước." Ông thốt thì các luật này và lợi ích cho quyền của chúng tôi trên biển, "trong những năm gần đây chúng tôi đã bắt đầu tiến hành tu chỉnh tra chỉnh kể từ báo về quyền của chúng tôi ở Biển Hoa Đông và Nam Hải (Biển Đông)." [12] Như vậy, một số người Trung Quốc nhận thấy luật pháp quốc tế kết hợp với sức mạnh hàng hải đang phát triển như một phương tiện để thiết lập vùng đệm an ninh biển được mong muốn từ lâu đối với toàn bộ "vùng biển gần," bao gồm cả Biển Đông. Việc luật pháp quốc tế không báo về lợi ích an ninh của một quốc gia ven biển nằm ngoài khu vực lãnh hải chỉ hợp đã không ngăn cản những người ủng hộ Trung Quốc tìm cách thay đổi các quy tắc đó. Listen

Read phonetically

Dictionary - [View detailed dictionary](#)

1.noun

1.số hàng hải

2.nguyên khí

2.verb

1.đẩy khí lực

Quyền tài phán. Lợi ích tranh chấp thực hai liên quan đến phân định ranh giới phạm vi quyền tài phán giữa các vùng biển liên kết, bao gồm cả vùng được quyền kinh tế và thềm lục địa. Trung Quốc làm phức tạp những tranh chấp này thông qua tuyên bố một hệ của chính quyền đối với không gian biển trong một đường ch U 9 đơn, những rõ ràng là yêu sách này bao gồm các khía cạnh về

phạm vi quyên tài phán công nh các khía cnh v ch quyên.

[\[13\]](#)

Quyên tài phán theo luật pháp quốc tế không ngang bằng với ch quyên đy đ trong đó quyên tài phán không bao gồm cùng một mục đ thm quyên tuyt đđi và đc quyên đ cai tr t t c các v n đ liên quan t i nhà n c. Công gi ng nh ch quyên, phạm vi quyên tài phán là s ph n ánh c a quyên l c nhà n c

trong

phạm vi ranh gi i nh t đ nh

, nh ng khái ni m phạm vi quyên l c bao hàm vi c áp d ng quyên hành nhà n c ch đđi v i

m t t p h p đ i t ng đ ã đ c h n ch và quy đ nh

. T t c các bên tranh chấp liên quan v n đ ch quyên công đ ng th i liên quan đ n các tranh chấp v quyên tài phán, ví d th m v Indonesia, n c đ ã tuyên b m t khu đ c quyên kinh t kéo dài t đ o Natuna ch ng l n v i đ ng k 9 g ch c a Trung Qu c.

Listen

Read phonetically

Dictionary - [View detailed dictionary](#)

1.noun

1.s h ng hái

2.nguyên khí

2.verb

1.đ y khí l c

[\[14\]](#)

Hai ngu n chnh c a tranh chấp v  quy n tài phán t i bi n gi ng l  ranh gi i c a
các
v ng đ c quy n kinh t  qu 
c gia khác nhau
v  khu v c th m l c đ a trong đ  m i
qu c gia
c  th  t
h c hi n
th m quy n
c a mình

Trong gi i h n đ a lý n u trong  i u 76 (bi n gi i đ  xác đ nh), các qu c gia ven
bi n đ c c p các đ c quy n (quy n l c nh  n c) đ  đi u ti t vi c th m d  và
khai thác các ngu n tài nguy n d i đ y bi n, m c d  t nh pháp lý c a kh ng gian
bi n   th m l c đ a v n kh ng thay đ i (m t t p h p đ i t ng đ c h n ch  và
quy đ nh). Nh  v y, lu t pháp qu c t  t o ra th m quy n h n ch  cho các qu c gia
ven bi n trong m t v ng xác đ nh đ c g i l  th m l c đ a.

Listen

Read phonetically

Dictionary - [View detailed dictionary](#)

1.noun

1.s  h ng hái

2.nguy n khí

2.verb

1.đ y khí l c

Tổng tài trợ này, một trong những sáng kiến quan trọng của Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển đó là quy định thêm quy định về của quốc gia ven biển ra một không gian biển ngoài lãnh hải, một khái niệm đã được phát triển liên tục trong suốt thế kỷ 20. Phần V của Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển đã thiết lập thêm quy định của quốc gia ven biển đối với một vùng duyên hải rộng lớn của không gian biển được biết đến như là vùng đặc quyền kinh tế, có thể mở rộng đến 200 hải lý từ đường cơ sở của quốc gia ven biển (biên giới đã được xác định), trong đó các quốc gia ven biển có "quyền chủ quyền" đối với các nguồn tài nguyên cũng với các quyền tài phán có liên quan (quyền lực nhà nước đặc quyền), đối với mục đích quản lý nguồn tài nguyên đó (một tập hợp đối tượng được hình thành và xác định).

Vì vậy, Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển đã hoàn thành việc tạo ra các quy chế quyền tài phán về tài nguyên ở vùng biển duyên hải. Theo đó, loạt tranh chấp thế kỷ hai này về cơ bản là do bất đồng của quốc gia về quyền tài phán trên vùng Biển Đông để tìm kiếm và khai thác tài nguyên trên và dưới thềm lục địa của Biển Đông và trong các vùng nước của nó.

Listen

Read phonetically

Dictionary - [View detailed dictionary](#)

1.noun

1.sự hòng hái

2.nguyên khí

2.verb

1.đẩy khí lực

Những yêu sách quyền tài phán không rõ ràng của Trung Quốc. Tất cả các quốc gia có đường bờ biển giáp với Biển Đông đều tuyên bố chủ quyền đối với một thềm lục địa và một vùng đặc quyền kinh tế, tuy nhiên rất hiếm có một phân định ranh giới thực tế nào giữa những khu vực ven biển được thực hiện.

[\[15\]](#)

Tuyên bố về đường chín đôn của Trung Quốc được biết cho thấy một vấn đề lớn về giới tuyến những tranh chấp này bởi vì ngoài việc đưa vào đường kẻ này như là một cơ sở không định chủ quyền, các nhà hoạch định chính sách của Trung Quốc cũng đã chấp nhận nó như là cơ sở cho yêu sách quyền tài phán của Trung Quốc trên Biển Đông. Như đã nói ở trên, một số học giả và quan chức

Trung Quốc không định rõ khái niệm về quyền lịch sử (như là một thay thế cho yêu sách của Trung Quốc với các vùng biển lịch sử trên Biển Đông) được áp dụng như một cơ sở cho việc kiểm soát quyền tài phán của Trung Quốc đối với không gian biển trong giới hạn đường kẻ gôm chín vạch đó. Khái niệm về vùng biển lịch sử chủ được chấp nhận và tồn tại trong Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật biển những vấn đề tồn tại trong luật tập quán quốc tế liên quan đến các vịnh. Nó cho phép các quốc gia ven biển tuyên bố thềm quyền mở rộng đối với không gian biển hoặc hải đảo khi tuyên bố của các quốc gia ven biển là công khai và có từ lâu đời, có tính đặc quyền, và được chấp nhận rộng rãi bởi các quốc gia khác.

Tuyên bố quyền lịch sử về quyền hạn trên vùng biển ở Biển Đông của Trung Quốc bị làm suy yếu nghiêm trọng bởi những tuyên bố tương tự, chệch chéo từ phía Philippines, Việt Nam, Malaysia, Brunei và Indonesia, của kẻ đến tuyên bố song song mà Đài Loan thực hiện riêng rẽ. Điều này chệch từ rộng dù những tuyên bố về thềm quyền Biển Đông có thể có từ lâu đời như thế nào, rõ ràng chúng không phải là đặc quyền hoặc được chấp nhận rộng rãi bởi các quốc gia khác. Tuy nhiên, luật pháp Trung Quốc không định các quyền lịch sử như là cơ sở của quyền tài phán trên Biển Đông. Luật Khu vực quyền kinh tế và Thềm lục địa của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 1998 tuyên bố một vùng đặc quyền kinh tế xuất phát từ tất cả các lãnh thổ Trung Quốc bao gồm tất cả các lãnh thổ liên quan của Trung Quốc được xác định trong Luật Lãnh hải năm 1992, trong đó, như đã nói ở trên, cả thềm bao gồm từng nhóm đảo trong Biển Đông. Như vậy, kết hợp lại, trong hai điều

Luật này Trung Quốc không định một khu vực quyền kinh tế và do đó kiểm soát thềm quyền đối với gần như toàn bộ khu vực biển Đông trong đường chữ U.
Listen

Read phonetically

Dictionary - [View detailed dictionary](#)

Ngoài sự mở rộng và thiêu tính cố thủ, còn nhiều vấn đề trong cách tiếp cận của Trung Quốc đối với quyền tài phán ở Biển Đông. Ví dụ, chỉ một số ít các đảo trên Biển Đông đủ điều kiện có lãnh hải mở rộng hai hải lý theo tiêu chuẩn Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển. Một điểm yếu khác trong yêu sách của Trung Quốc về thềm quyền trên Biển Đông dựa trên sự không định chỉ quyền của Trung Quốc đối với các bãi đá và cồn cát là Trung Quốc đã phản đối những tuyên bố tumpang tễ của Nhật Bản về vùng biển quyền kinh tế và thềm lục địa xung quanh đảo Okinotorishima, một đảo san hô nhỏ ở Thái Bình Dương khoảng 1.050 hải lý về phía nam Tokyo. [\[16\]](#)

Luật quốc tế ngăn chặn việc một quốc gia tuyên bố các quyền hợp pháp nếu nước đó phản đối những tuyên bố tumpang tễ của các quốc gia khác. Như vậy, các quy định của Công ước Liên Hợp Quốc về Luật biển liên quan quy định lịch sử đều không phải là nguồn pháp lý để biệt thuyết phục mà Trung Quốc có thể dùng làm cớ cho yêu sách của mình.
Listen

Read phonetically

Dictionary - [View detailed dictionary](#)

Những tuyên bố về quyền tài phán của các quốc gia khác . Trái ngược hoàn toàn với tuyên bố của Trung Quốc, những tuyên bố về quyền tài phán của Việt Nam và Malaysia phù hợp nhiều hơn với luật pháp quốc tế. Ví dụ như, Việt Nam tuyên bố

một vùng được quy định kinh tế "là tiếp giáp với lãnh hải Việt Nam và hình thành cùng với lãnh hải một khu vực 200 hải lý tiếp giáp với vùng lãnh hải Việt Nam." [\[17\]](#) Bên

nhờ sự rõ ràng về ranh giới của tuyên bố này, Việt Nam cũng quy định các mốc để quy định tài phán quốc gia của nước này.

[\[18\]](#)

Tuyên bố về quy định tài phán của Việt Nam bám sát đúng các nguyên tắc trong yêu cầu của các điều 57 và 56 trong Công ước Liên Hợp Quốc về Luật biển, mặc dù còn lưu ý rằng đúng các mốc của Việt Nam được coi là quá rộng.

[\[19\]](#)

Listen

Read phonetically

Dictionary - [View detailed dictionary](#)

Công ước về khu vực được quy định kinh tế của Malaysia năm 1984 đưa ra tuyên bố quy định tài phán tiếp giáp với khu vực được quy định kinh tế và thềm lục địa. [\[20\]](#) Ngoài ra, bản đồ trình chung của Malaysia và Việt Nam lên Ủy Ban về Giới hạn của thềm lục địa cũng tạo một tuyên bố hợp lý cho một thềm lục địa mở rộng ngoài các vùng được quy định kinh tế 200 hải lý theo như điều 76 của Công ước Liên Hợp Quốc về Luật biển. [\[21\]](#)

Bản đồ trình này đã sử dụng đúng các mốc của mỗi quốc gia ven biển là điểm khởi đầu và đo được 200 hải lý mà không quan tâm đến bất kỳ điểm mốc nào. Liên quan đến quyền đối Thổ Nhĩ Kỳ, Việt Nam và Malaysia thực hiện những cách tiếp cận hợp pháp tuân theo điều 21 của Công ước Liên Hợp Quốc về Luật biển liên quan đến cách chia quyền lý các hải đảo và phù hợp với phán quyết pháp lý gần đây, đối lập với các phương pháp tiếp cận khác nhau của Trung Quốc. Các thềm là các phương pháp tiếp cận của Malaysia-Việt Nam thừa nhận rằng các đảo nhỏ, rạn san hô và bãi cát ngầm ở phần phía nam của Biển Đông là quá nhỏ để hình thành các mốc cho một tuyên bố đối với một vùng được quy định kinh tế hay một thềm lục địa thuộc thềm quy định của họ (hay bất cứ quy định tài phán nào khác đối với một lãnh hải).

Listen

Read phonetically

Dictionary - [View detailed dictionary](#)

Một khía cạnh quan trọng khác trong những tuyên bố của Malaysia và Việt Nam là chúng đều được công bố và công khai. Chúng thực hiện sự lựa chọn của mỗi chính phủ trong việc giữ thích luật pháp quốc tế liên quan đến thẩm quyền của họ trên vùng biển ngoài khơi như thế nào. Chúng cung cấp một cơ sở đàm phán, thảo luận, và thậm chí là kiến tạo của các quốc gia khác không cùng chung quan điểm. Chúng không dựa vào sức mạnh quân sự hay kinh tế để quyết định vấn đề. Theo những cách này, các phương pháp tiếp cận Malaysia-Việt Nam cung cấp một cơ sở cho một giải pháp ổn định đối với bất kỳ tranh chấp nào, đó là nhận xét của Tòa án Quốc tế trong vụ kiện đánh bắt cá đã được nói ở trên. Listen

Read phonetically

Dictionary - [View detailed dictionary](#)

Chính phủ Philippines đã xác lập đường cơ sở quần đảo cho các đảo chính trong luật được hoàn chỉnh năm 2009 và đăng trình lên Liên Hợp Quốc. [22] Theo luật này cũng tuyên bố một quy chế riêng biệt không công bố đối với quần đảo Trường Sa, được gọi là quần đảo Kalayaan và đối với bãi cát ngầm Scarborough. Philippines cũng duy trì một tuyên bố về vùng đặc quyền kinh tế dựa trên Tuyên cáo của Tổng thống năm 1978.

[23]

Các vùng đặc quyền kinh tế của Philippines mở rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở, được xác lập công khai theo đạo luật năm 2009. Như vậy, đối với những hòn đảo chính, Philippines đã thực hiện một tuyên bố công bố và công khai liên quan đến giới hạn của vùng đặc quyền kinh tế của nước này.

Liên quan đến tuyên bố về thềm lục địa, Philippines lưu ý trong hị sị với Liên Hợp Quốc Tuyên Cáo của Tổng thống nước này năm 1968, trong đó yêu sách mở thềm lục địa "kéo dài tới độ sâu của các vùng biển liên kề [của Philippines] cho phép việc khai thác các nguồn tài nguyên, bao gồm các sinh vật sống thuộc loài không di cư." [24] Cách diễn đạt đã lỗi thời và giới hạn quyền tài phán của tuyên bố về thềm lục địa của Philippines này xuất phát từ định nghĩa đã xuất hiện trong Công ước về Thềm lục địa năm 1958, các quy định trong đó đã được cập nhật bởi Điều 76 Công ước Liên Hợp Quốc. [25] Ngoài ra, Philippines đã thực hiện một tuyên bố về mở thềm lục địa mở rộng ở biển Philippines, nhưng không phải ở biển Đông. Philippines có thể làm rõ hơn các yêu sách và quyền tài phán của mình đối với mở thềm lục địa bằng cách đưa ra tuyên bố phù hợp với Công ước Liên Hợp Quốc về Luật biển. Thêm vào đó, chính phủ Philippines nên tuyên bố công khai những yêu sách, nếu có, và thềm quyền pháp lý trên vùng biển mà nước này vẫn gìn giữ, dựa trên tuyên bố chủ quyền đối với mở sđo của quần đảo Trường Sa và rạn san hô Scarborough. Các bước này sẽ thúc đẩy sự ổn định bằng cách loại bỏ các yếu tố mập mờ và thúc đẩy các cuộc đàm phán hoặc cuộc phân xử dựa trên luật pháp quốc tế.

Listen

Read phonetically

Dictionary - [View detailed dictionary](#)

Tóm lại, những tuyên bố thềm quyền của Malaysia và Việt Nam đã được công khai và tuyên bố đầy đủ chi tiết. Những tuyên bố của Philippines đang được làm rõ hơn những vấn đề liên quan tới các thiển hơn nữa yếu tố này. Cần phải làm cho những tuyên bố của Brunei trở nên rõ ràng hơn một cách công khai hơn bằng cách đặt chúng trong mối liên hệ với Liên Hợp Quốc. Tuy nhiên, những tuyên bố về quyền tài phán của Trung Quốc đối với Biển Đông vẫn còn mập mờ và chưa được công khai và vì thế đã góp phần gây ra sự bất ổn định trong khu vực và đặt ra vấn đề cho tất cả quốc gia có tàu bè lưu thông trên các đường biển của Biển Đông.

Vấn đề kiểm soát . Lo ngại tranh chấp thềm ba liên quan đến kiểm soát không gian

biển, và cả bên là vị trí địa lý thích chính xác luật pháp quốc tế liên quan đến sự cân bằng của quốc gia ven biển và các quy định công nghệ và quốc tế trong các vùng đặc quyền kinh tế và các vùng nước ven biển khác. Tranh chấp này chủ yếu chủ liên quan đến Trung Quốc và Hoa Kỳ, nhưng nhiều nước khác trên toàn thế giới cũng có lợi ích và quy định lợi trong kết quả của sự việc này do hệ liên quan đến vị trí Trung Quốc nên lợi thay đổi những chủ quyền quốc tế về tự do hàng hải cho các mục đích quân sự và để quay trở lại sự cân bằng của các quốc gia ven biển và các quy định quốc tế tại các vùng ven biển đã được thông lệ trong quá trình phát triển của các điều khoản của Công ước Liên Hợp Quốc về Luật biển.

Điều này dẫn đến một loạt các cuộc đối đầu giữa tàu của chính phủ Mỹ và Trung Quốc ở Biển Đông giữa năm 2001 và năm 2009 mặc dù công nghệ ngày sinh đáng lẽ có thể đã được kiểm soát tốt phòng ngừa chính trị và quân sự. Trung Quốc đã kích thích chính sách chung của "những va chạm có kiểm soát", tuy nhiên vào 08 tháng 3 năm 2009 khi tàu hải quân Mỹ USNS Impeccable (T-AGOS 23) chạm trán với năm tàu của Hải quân PLA gồm một tàu tình báo, một tàu tuần tra ngụy trang của chính phủ, một tàu Dục và Giám sát Hàng hải của Cơ quan quản lý Hải dương học Chính phủ, và hai tàu đánh bắt cá nhỏ. [26]

Theo những quan sát của tất cả ba tàu của chính phủ Trung Quốc, những tàu đánh bắt cá nhỏ đã di chuyển một cách nguy hiểm trong phạm vi 8 mét trước một con tàu Impeccable và sau đó đột ngột dừng lại. Điều này buộc Impeccable phải hành động khẩn cấp để tránh va chạm. Ngoài ra, người Trung Quốc trên chiếc tàu đánh bắt cá được sử dụng một cái móc sắt để cố gắng làm đứt cáp kéo của tàu Impeccable. [27]

Những hành động này của Trung Quốc vi phạm các quy định quốc tế liên quan đến trách nhiệm thực hiện quy định

liên quan đến vị trí điều khiển tàu biển và đã hình thành sự can thiệp trái pháp luật với các tàu có chủ quyền của quốc gia khác. Tàu Impeccable đã rời khỏi trang để giảm công nghệ nhất thời, nhưng đã quay trở lại vài ngày sau đó đúng với trí đó cùng với một tàu chiến Mỹ, USS Chung Hoon (DDG). [28]

Như vậy, sự leo thang của Trung Quốc từ mô hình trỗi dậy đã làm tăng tranh chấp và vấn đề hàng hải từ 'sự va chạm có kiểm soát' thành 'cuộc xung đột gần,' do đó khiến dấy sự chú ý chính sách mới của Mỹ đến vùng Biển Đông và đến các quy chuẩn quốc tế về việc kiểm soát từ do hàng hải cho mục đích quân sự trong các vùng đặc quyền kinh tế.

Listen

Read phonetically

Dictionary - [View detailed dictionary](#)

Việc tạo ra các vùng đặc quyền kinh tế năm 1982 bởi Công ước Liên Hợp Quốc về Luật biển như là một khu vực mở rộng ra ngoài lãnh hải tối đa là 200 hải lý tính từ bờ biển của một quốc gia ven biển là một thỏa hiệp để cân bằng giữa lợi ích của các quốc gia ven biển trong việc quản lý và bảo vệ tài nguyên biển và lợi ích của các quốc gia sử dụng hàng hải trong việc bảo đảm các quy chuẩn do hàng hải ngoài khơi và các chuyến bay trên biển, kể cả cho mục đích quân sự. Như vậy, trong khi ở các vùng đặc quyền kinh tế, quốc gia ven biển đã được trao quyền chủ quyền đối với các nguồn tài nguyên và thềm lục địa quy định ban hành luật liên quan đến các nguồn tài nguyên đó, để đảm bảo sự tham gia của các công quốc hàng hải thì quy chuẩn do hàng hải trên biển có vấn đề được biết duy trì cho tất cả các quốc gia.

Tuy nhiên, Trung Quốc đã liên tục cố gắng để thay đổi thỏa hiệp được cân bằng một cách chu đáo này bằng cách đưa ra những tuyên bố bao quát về sự bảo vệ hàng pháp lợi ích an ninh của nước này, đặc biệt là trong vùng biển Đông. Ví dụ, một tuyên bố của một phát ngôn viên quân đội Trung Quốc liên quan đến quy chuẩn do hàng hải quốc tế ở biển Đông là điển hình. Phát ngôn viên Bộ Quốc phòng Trung Quốc, Đại tá Geng Yansheng, phát biểu: "Phù hợp với những yêu cầu của luật pháp quốc tế, chúng tôi sẽ tôn trọng từ qua lại của tàu hoả máy bay từ các nước có liên quan mà tuân theo luật pháp quốc tế."

”

[\[29\]](#)

Listen

Read phonetically

Dictionary - [View detailed dictionary](#)

Khi bọ buọc giọì thích sọ khác biọt giọa " viọc qua lọì" và "hàng họì", các quan chọc cọp cao Trung Quốc đã tuyên bọ rọng chính phọ Trung Quốc không phọn đọì viọc tàu

Họì quân Mọ đi qua các vùng đọc quyọn kinh tọ Trung Quốc trên đọng đọn mọt

đọa điọm khác. Tuy nhiên, khi nhọng con tàu này tiọn hành diọn tọp, thu thọp tình báo hay các đọ liọu quân sọ họu ích khác, hoọc thọc hiọn các hoọt đọng khác họn là chọ đọn thuọn đi qua biọn, các quan chọc này cho rọng nhọng tàu này đã vi phọm luọt pháp quọc tọ và pháp luọt quọc gia cọa Trung Quốc.

Listen

Read phonetically

Dictionary - [View detailed dictionary](#)

Tuy nhiên, Ngoọì trọng Mọ Hilary Clinton đã làm rõ tọ Diọn đàn khu vọc ASEAN vào tháng Bọy nọm 2010 rọng trong vùng biọn ông, Hoa Kọ sọ không chọp nhọn nhọng giọì họn cọa Trung Quốc vọ các quyọn tọ do hàng họì cho các mọc đích quân sọ. Bà nói rọng Hoa Kọ, cọng giọng nhọ mọì quọc gia, có "mọt lọì ích quọc gia trong tọ do hàng họì, tiọp cọn mọ đọì vọì các vùng biọn chung cọa Châu Á, và tôn trọng luọt pháp quọc tọ ọ biọn ông." [\[30\]](#) Listen

Read phonetically

Dictionary - [View detailed dictionary](#)

II. Ba mục tiêu. Trung Quốc đang theo đuổi ba mục tiêu chính trong vùng biển Đông và Đông Nam Á đó là hội nhập khu vực, khai thác các nguồn tài nguyên, và tăng cường an ninh. Hành động của Trung Quốc trong biển thềm lục địa qua đó đã cho thấy rõ hơn trong mối quan hệ với những chiến lược thay thế của nước này để đạt được những mục tiêu trên. Listen

Read phonetically

Dictionary - [View detailed dictionary](#)

Hội nhập khu vực. [31] Hội nhập khu vực giữa Trung Quốc và các quốc gia Đông Nam Á là một ưu tiên đối với Trung Quốc như là một phần trong chính sách tổng thể “Trở lại Hòa Bình”. Do đó, hội nhập khu vực với các quốc gia khu vực biển Đông gồm cả hai khía cạnh chính trị và kinh tế. Để đạt được tăng trưởng, một quốc gia rất cần có đường biên giới hòa bình để nguồn tài nguyên có thể được dành cho phát triển kinh tế hơn là phát triển quân đội và các hệ thống phòng thủ biên giới.

[32]

Theo đó, để tiếp trung nòng lọng trong nước vào việc tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, Trung Quốc bước vào

vào một thời kỳ tìm kiếm chiến lược liên quan đến đối đầu dùng vũ lực trên quần đảo Trường Sa bắt đầu vào

giữa những năm 1990 và sau khi thất bại chính trị mà Trung Quốc phải chịu sau khi sự cố Mischief Reef (Ánh Vàng Khôn).

Chiến lược mới này được theo đuổi từ cuối những năm 1990 đến tháng Ba năm

2009 mang lại một số tiến bộ lớn đối với Trung Quốc trong đó các cơ hội hội nhập chính trị và kinh tế khu vực với Trung Quốc được các quốc gia Đông Nam Á chào đón rộng rãi vì các nước này đã đẩy mạnh sự tăng trưởng kinh tế toàn khu vực và phục vụ cho đối trọng cân bằng với các cường quốc khác, chẳng hạn như Hoa Kỳ.

Một số thu nhập lớn cho các khóa chính trị của hội nhập khu vực, Trung Quốc đã cam kết nhiều mối quan hệ chính trị với ASEAN. Tuy nhiên, có lẽ các khóa chính thành công nhất của việc Trung Quốc theo đuổi hội nhập khu vực là các chương trình phát triển kinh tế, thương mại, và cơ sở hạ tầng. Ví dụ, thương mại hai chiều đã tăng vọt trong hai thập kỷ qua, từ dưới 8 tỷ USD vào năm 1991 đến 106 tỷ USD trong năm 2004 và đến 231 tỷ USD trong năm 2008. Con số cuối cùng còn cao hơn so với thương mại giữa các quốc gia ASEAN và Mỹ trong cùng một năm, đó là lên đến 172 tỷ USD. Trong nhiều năm, ASEAN đã có được thương mại với Trung Quốc tuy nhiên đã bị suy giảm trong những năm gần đây. Dù bù lại, Trung Quốc đang ý tưởng cường độ tăng song phương trong khu vực lên 60% trong hai năm.

Ngoài ra, Trung Quốc còn hỗ trợ các dự án cơ sở hạ tầng chủ yếu trong khu vực. Một trong những dự án đó là hành lang kinh tế Nam Ninh-Singapore, tập trung vào việc xây dựng một hệ thống giao thông đường sắt tích hợp kết nối Nam Ninh, Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Phnom Penh, Bangkok, Kuala Lumpur, và Singapore. Một dự án thứ hai là Tiềm vùng khu vực sông Mê Kông tăng cường kết nối Côn Minh và tỉnh Vân Nam, Trung Quốc với Singapore qua đường sắt cao tốc. Khó khăn hơn cho Trung Quốc để đạt được trong sáng kiến hội nhập khu vực của nước này là tập trung vào phát triển Vịnh Bắc Bộ và Sáng kiến Hội Nam. Các sáng kiến này bao hàm thách thức rõ ràng vì chúng liên quan đến các khu vực trong đó vấn đề chủ quyền và thẩm quyền vẫn còn trong tranh chấp. Listen

Read phonetically

Dictionary - [View detailed dictionary](#)

Một số nhà bình luận cho rằng nhiều sáng kiến của Trung Quốc trong việc hỗ trợ hải nhập khu vực vịnh Bắc Bộ hàm chứa lòng "quá chín", trong đó thời gian thu hẹp vịnh phía Trung Quốc. Theo dòng suy nghĩ này, những nỗ lực hải nhập khu vực đồng thời hành nhằm đóng băng các tranh chấp và tạo điều kiện chính trị khu vực thu hẹp lại trong khi Trung Quốc gia tăng sức mạnh kinh tế và quân sự. Một khi đã đạt được mục đích cao của sự phát triển tổng thể, Listen

Read phonetically

Dictionary - [View detailed dictionary](#)

Nếu ... [Trung Quốc] tiếp tục đẩy mạnh những tuyên bố mở rộng trong vùng biển Đông một cách mạnh mẽ, các đảo và không gian biển kèm theo của chúng có thể sẽ dần dần rơi vào tay nước này như "quá chín rặng". Ít nhất là [Trung Quốc] sẽ thặng trị vịnh để giành được phần mồi của một con số tốt trong bất kỳ số dàn xếp nào . [\[33\]](#)

Một số người Trung Quốc tin rằng các mục tiêu Trung Quốc đầu tiên đáng kể vào Đông Nam Á và chính sách của Trung Quốc nhằm đóng băng các tranh chấp là để tìm kiếm lòng biết ơn, hoặc có lẽ tác động đòn bẩy để đạt được kết quả là các quốc gia khác sẵn sàng bỏ qua việc tuyên bố chủ quyền đối với Biển Đông để giúp đỡ của Trung Quốc. Tuy nhiên, sự kiên trì này cho thấy rằng các quốc gia Đông Nam Á mong muốn rằng không có một thế lực lớn nào đạt được quá nhiều ảnh hưởng đối với khu vực, bao gồm cả Trung Quốc. Nhờ vậy, trong một loạt dao động ngược lại những năm 1990 đã khiến các nước ASEAN chào đón sự gia tăng khu vực ngày càng lớn của Trung Quốc, để bù đắp ảnh hưởng khu vực ngày càng tăng của Trung Quốc hiện nay, các nước Đông Nam Á luôn hoan nghênh sự chú ý của các cường quốc bên ngoài, trong đó có Hoa Kỳ, một phần để

đm bọo rọng các cục đàm phán v tranh chọp Biện ồng đọc tiẹn hành trên mọt c sọ họp lý và bình đọng.

Kiọm soát tài nguyên. [34] Ngoài viọc họi nhọp khu vọc, Trung Quốc cọng theo đui mọc tiêu tọng cọng an ninh nguẹn tài nguyên lâu dài bọng cách đm bọo sọ kiọm soát đoi vói họi họt các nguẹn sinh vọt và phi sinh vọt trên Biện ồng. Theo nhọ mọt nhà bình luẹn Trung Quốc phát biọu rọng, "Thách thọc chọ yọu hiẹn nay đọt nọc chúng ta đang đoi mọt là gì? ó là vẹn đ v các nguẹn tài nguyên. "

[35]

Và Phó Chọ tọch Tọp đọan Dọu khí Xa bọ Quọc gia Trung Quốc (CNOOC)

Zhou Shouwei đã nói, "Viọc khám phá dọu khí xa bọ và đọc biọt là tọng nọc sâu có ý nghọa quan trọng đoi vói viọc bọ sung thêm nguẹn tài nguyên dọu mọ cọa Trung Quốc và cọa thọ giọi. "

[36]

Nguẹn tài nguyên đánh bọt cá cọng quan trọng đoi vói lãnh đọo Trung Quốc. Mọt xuọt bẹn cọa chính phọ công bọ rọng:

Bẹn ... Hiọp đọnh Trung-Viọt vọ nghọ cá Vẹn Bọ Bọ đã nhanh chóng giọi hẹn các không gian làm viọc cho ngọ dân cọa đọt nọc chúng ta. Nhọng khó khẹn mọi cho đoi tàu bọ truy đui cọa chúng ta chọc chẹn sọ hình thành thọm họa này nọi tiọp thọm họa khác. [Các thọ thuẹn nhọ vọy] không chọ làm tình hình trọ nên tọi tọ hẹn mà còn có khọ nọng rọng nó có thọ liên quan đẹn bọt ẹn xã họi tọi các thọ trẹn và làng mọc ven biẹn. [37]

Listen

Read phonetically

Dictionary - [View detailed dictionary](#)

Trên thực tế, Hội quân Trung Quốc nhìn thấy tầm quan trọng của sức mạnh biển như một khía cạnh của an ninh các nguồn tài nguyên.

Trong thế kỷ mới, các đối tượng là ... kho tàng chiến lược của tài nguyên thiên nhiên phát triển bền vững của nhân loại. phục vụ cho sự

S

khai thác

và sự

dòng triết độ

c

qua

con người

đối với đối tượng và

việc

quản lý chung các đối tượng phù hợp với pháp luật của bên là một

s

phân

phối

quyền và lợi ích hàng hải của thế giới. Bất cứ ai có đầu tư lớn nhất trong các đối tượng, bất cứ ai có khả năng khai thác các đối tượng lớn nhất, và bất cứ ai kiểm soát các đối tượng sẽ có lợi thế hơn và sẽ đạt được sự thịnh vượng nhiều hơn từ biển, và rằng đất nước đó sẽ giàu có và mạnh mẽ. Vì vậy một điều hoàn toàn chắc chắn rằng các đối tượng sẽ trở thành một đầu tư quan trọng cho cuộc đấu tranh chính trị, kinh tế và quân sự quốc tế cũng như một mục tiêu quan trọng trong cuộc đấu tranh của mọi quốc gia về quyền và lợi ích.

[\[38\]](#)

Có lẽ mục đích chính của tác giả này là biện minh cho sự mở rộng lực lượng hải quân của Trung Quốc. Tuy nhiên, việc ông đã chọn việc sử dụng những tranh luận như vậy về an ninh nguồn tài nguyên và tầm quan trọng của kiểm soát quốc gia đối với các tài nguyên biển là dấu hiệu cho thấy những thắc mắc của tác giả về sự lo lắng trong nhân dân và lãnh đạo Trung Quốc đối với tiềm năng cung cấp thực phẩm và năng lượng cho hơn 1,3 tỷ người, đặc biệt là khả năng ngày càng tăng lên song song với việc thoái kinh tế của Trung Quốc. Do đó, một mục tiêu quan trọng đối với Trung Quốc là để đảm bảo việc tiếp cận các nguồn tài nguyên của Biển Đông.

Tăng cường an ninh. Mục tiêu thứ ba của Trung Quốc dường như là để tăng cường sự kiểm soát trên biển Đông nhằm tạo ra một vùng đệm an ninh hàng hải nhằm bảo vệ các trung tâm dân số lớn, khu công nghiệp, và các điểm vận hóa phong phú của khu vực phát triển ven biển phía đông Trung Quốc.

Listen

Read phonetically

Dictionary - [View detailed dictionary](#)

Theo như một Thiệu tướng Hải quân Trung Quốc nghe họ đã nói:

Vùng biển của Trung Quốc là những lá chắn chiến lược ban đầu cho an ninh quốc gia. Khu vực ven biển là tiền tuyến của sự tăng trưởng trong việc phát triển kinh tế và phát triển xã hội dân số của Trung Quốc. Khu vực phát triển nhất của Trung Quốc nằm dọc theo bờ biển ... Khu vực ven biển cũng là vùng dân số lớn nhất so với

bớt kể vùng nào trên cơ bản, sẽ tập trung cao nhất vào ngành công nghiệp công nghệ cao, và nên vận hóa hiện đại nhất. Nếu quốc phòng ven biển rơi vào nguy hiểm, Các trung tâm chính trị, kinh tế trọng yếu của Trung Quốc sẽ phải đối mặt với các mối đe dọa từ bên ngoài. Trong bối cảnh chiến tranh hiện đại, kể năng quân sự hiện công chính xác tầm xa ngày càng phát triển, điều này làm cho vùng ven biển trở nên có ý nghĩa hơn nhiều đối với việc bảo vệ tập quốc như là một khu vực cung cấp chi phí sâu chiến lược và thời gian quý giá cho việc cảnh báo sớm. Tóm lại, khu vực ven biển là chìa khóa cho toàn bộ an ninh quốc gia của Trung Quốc.

[\[39\]](#)

Listen

Read phonetically

Dictionary - [View detailed dictionary](#)

Ý tưởng cho rằng Trung Quốc cần phải kiểm soát các vùng biển duyên hải dựa trên cách tiếp cận của điểm dựa chiến lược của một quốc gia mà an ninh gắn liền với cơ sở liên và biển cả. Các nước đó thường tuân theo một chiến lược an ninh có thể cân bằng sức mạnh trên biển và đất liền để phát triển các vòng tròn đồng tâm của tầm kiểm soát, ảnh hưởng, và phạm vi chiến lược xung quanh khu vực trung tâm của lợi ích quốc gia trọng yếu. [\[40\]](#) Do đó, Biển Đông, biển Hoa Đông và Hoàng Hải-Đông Hải là 'các vùng biển gần'- thể hiện những khu vực mà các nhà chiến lược Trung Quốc tin rằng họ cần phải phát triển kiểm soát quân sự nhằm loại bỏ mối đe dọa bên ngoài và qua đó để nâng cao mức độ an ninh cho khu vực ven biển của Trung Quốc.

Tuy nhiên, những hành động gần đây của Trung Quốc nhằm tăng cường an ninh của mình bằng cách cảnh tranh với các quốc gia khác và chủ quyền, quyền tài phán và kiểm soát trên vùng biển Đông không hề tính đến lợi ích của các quốc gia khác. Vì vậy, bất đầu từ tháng Ba năm 2009, khi Trung Quốc thay đổi chiến lược khu vực của mình để hội nhập và hợp tác với tài nguyên sang cảnh tranh với lợi ích chủ quyền và an ninh, thay vì giữ hái những lợi ích chính trị như đã đất nước từ hơn một thập kỷ hợp tác, nước này đã để cho "quá chín" bề thời rã trên cây. Các nhà

họcch định chính sách Trung Quốc cần ghi nhận rằng hội nhập khu vực, kiểm soát tài nguyên, và tăng cường an ninh là những mục tiêu chung của tất cả các nước trong khu vực và rằng sự hợp tác vừa qua đã mang lại những kết quả đáng kể hoàn toàn không giống với kết quả là sự chuyển biến sang hướng cạnh tranh gần đây. Như vậy, các giới pháp hai bên đều cùng (thông-thông) tập trung vào lợi ích chung có nhiều triển vọng hơn so với các giới pháp thông-thua dựa trên cạnh tranh và

chỉ quyền, quyền tài phán, và kiểm soát.

III. Tập trung Tianxia (Thiên hạ) mới

Mục đích chung chéo lợi ích giữa TQ và các nước ANA ở biển Đông quả là đáng kể. Sự kết hợp với một địa chính trị và kinh tế đã đem lại nhiều lợi ích cho mọi quốc gia. Mọi quốc gia đều quan tâm đến sự phát triển bền vững của nguồn cá dồi dào và các nguồn sinh vật sống ở Biển Đông. Mọi quốc gia đều có nền kinh tế đang phát triển và có nhu cầu ngày càng tăng tăng tiếp với hydrocarbon (chất hoá học hữu cơ) để phục vụ cho chính quốc gia mình. Mọi nước đều quan tâm đến an ninh quốc gia, điều này phần nào phụ thuộc và an ninh khu vực ngoài biển khơi. Điều đáng chú ý đó là một trong những lý do chính dẫn đến thất bại trong việc tăng cường lợi ích ở Biển Đông đó là cách giới quyết tranh chấp khi các cơ chế lựa chọn giới pháp đều là thông-thua: quả đúng vậy, chỉ quyền lãnh thổ và thẩm quyền pháp lý - những cơ chế đem bỏo lợi ích an ninh quốc gia ở khu vực Biển Đông đều là giới pháp thông-thua.

Vì các quần đảo và rặng đá ngầm ở Biển Đông tập nhiều thế kỷ nay luôn mở rộng của đón chào các ngư dân và thuyền lái đến từ các quốc gia ven biển như Việt Nam, Trung Quốc, Malaysia và Philipines – mọi một quốc gia đều phát triển mối liên hệ và quan tâm nhất định đối với những quần đảo này. Thông tin như vậy, trong nhiều thế kỷ, khu vực nhiều cá luôn mở rộng cho người dân đánh bắt cá mà không phải lo sợ bị người cầm hay áp chế từ nước khác. Ngay cả khi Trung Quốc cho rằng quốc gia này đã thực thi chỉ quyền đối với các quần đảo và lãnh hải trong giai đoạn này,

đây là tính chất quy định dựa trên *tianxia* (thiên hạ) – nghĩa là Hoàng đế có quyền cai quản tất cả mọi thế giới. Một yếu tố của *tianxia*

không phải là chỉ quy định nên được thực thi một cách nhàn nhàn và vì lợi ích của các quốc gia Đông Nam Á. Các vị hoàng đế đều hiểu rằng đi đâu mà các nhà lãnh đạo Trung Quốc thời nay dường như đã quên đó là khi quy định khoan dung, quy định của họ sẽ được tôn trọng; khi quy định chỉ thu hẹp mang tính cá nhân, quy định đó đáng báo động. Do đó, việc quay lại với những chính sách hòa hợp lợi ích chung sẽ thành công hơn phương pháp thắng-thua mà hiện nay các bên đang theo đuổi.

Chỉ cần nhìn hiệu quả, việc cần làm là hướng tới lợi ích duy *tianxia* [41] hợp thời trong thế kỷ 21, theo đó các giới pháp cho Ba Tranh Chấp cần tìm ra đó là ‘có lợi đôi bên’, phương pháp tiếp cận dựa trên lợi ích phù hợp với tất cả và không lo ngại [42] Một

những thích hợp để bắt đầu thảo luận và tiếp cận những lợi ích chung đó là thông qua Bộ Quy tắc Ứng xử Biển Đông, trong đó tất cả các bên đều đồng ý với phương án tiếp cận hòa bình trong việc giải quyết tranh chấp hiện vẫn đang đe dọa hòa bình trong khu vực.

Tư tưởng Tianxia mới và Chế độ quyền. Trong suốt những năm từ 1975 đến 1995, quan điểm công nhận của Trung Quốc trong việc chấm dứt chế độ quyền của các quốc gia khác đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã khiến các quốc gia Đông Nam Á liên minh với chính phủ và quân sự chống lại Trung Quốc. Thêm chí trong suốt 15 năm qua, các chính sách của Trung Quốc chủ yếu tập trung vào việc tạo đòn bẩy trong chính phủ và kinh tế nhiều hơn trong quân sự những đã thất bại vì họ vẫn duy trì quan điểm tập trung vào sự thống trị của người Trung Quốc đối với những khu vực mà trong lịch sử của bao giờ Trung Quốc kiểm soát được hoàn toàn, đây cũng là nơi người dân bản địa đã có truyền thống cai trị đất nước. Chính sách này đã thất bại bởi lẽ nó có thể chấm dứt lợi ích của các quốc gia khác trong khu vực đối với việc sẽ đồng phân lãnh thổ của Quần đảo Trường Sa vì mục đích thông tin, nghiên cứu, tăng cường an ninh quốc gia và khu vực và du lịch. Điều này cho thấy những dự xuất trình đó về việc chia sẻ “quyền sở hữu” trong khu vực đối với các quần đảo nên được xem xét lại.

Một đđ xuđt đđ tđng đđđc Mark Valencia, John Van Dyke và Noel Ludwig đđa ra nhđm thiđt lđp mđt hình thđc “chđ quyđn khu vđc” đđi vđi các quđn đđo – nghđa là chia sđ chđ quyđn đđi vđi các quđn đđo cho các quđc gia trong khu vđc đđ ngđn chđn sđ xâm nhđp cđa các nđđc khđc. [43] Chđ quyđn khu vđc, đđđc xác lđp trên cđ sđ thođ thuđn giđa các bên đđi quyđn lđi, có thđ thđc thi thđm quyđn này trên quđn đđo, hđi phđn và khđng phđn. Viđc chia sđ chđ quyđn lãnh thđ có thđ diđn ra đđđi nhiđu hình thđc, nhđng nên đđa trên cđ sđ kđt hđp các yđu tđ nhđ dân sđ, đđ dài đđđng bđ biđn và mđ rđng viđc sđ đđng đ thđi đđđm hiđn tđi và trong lđch sđ - các yđu tđ này đđu đđđc luđt pháp quđc tđ công nhđn và coi nhđ cđ sđ pháp lý đđ giđi quyđt tranh chđp lãnh hđi. Đđđu này cđng cho phép các quđc gia đđi quyđn lđi biđn trong khu vđc tiđp tđc theo đđđi lđi ích trên lãnh thđ tđ nhiên cđa Biđn Đđng thông qua mđt cđ chđ chính trđ đđđc thiđt lđp nhđm quđn lý hiđu quđ lãnh thđ cđa mình.

Mđt ví đđ thđ hai có thđ đđa ra xem xét đđ là quy chđ cđa đđo Svalbard, nđm đ giđa biđn bđc cđa Na uy và đđo Greenland. Đđ giđi quyđt tình trđng khđng rõ ràng cđa đđo Svalbard và đđ tránh xung đđt quđc tđ đđi vđi nguđn tài nguđn cđa đđo, các nđđc liên quan đđ tham đđ hđi nghđ Paris sau khi kđt thúc Chiđn tranh thđ giđi thđ nhđt đđ cùng đđm phán Hiđp đđđc Sprintsbergen ngày 9 thđng 2 nđm 1920. Hiđp đđđc này trao chđ quyđn chính cho Na Uy, nhđng vđi nhđng quyđn liên quan đđn nguđn tài nguđn đđi vđi tđt cđ các bên tham gia kí kđt. Nhđng bên tham gia kí kđt hiđp đđđc ban đđu gđm có Úc, Canada, Đan Mđch, Pháp, Ý, Nhđt, Hà Lan, Na Uy, Thuđ Đđđn, Vđđng quđc Anh và Mđ. Liên bang Xô Viđt kí nđm 1924 và đđđc nđm 1925 và hiđn nay có hđn 40 nđđc tham gia kí kđt trong đđ có Trung Quốc. [44] Khi Hiđp đđđc có hiđu lđc vào ngày 14 thđng 8 nđm 1925, Na Uy có chđ quyđn đđi vđi đđo Svalbard vđi đđđu kiđn tđt cđ các bên có quyđn đđđc sđn bđt cá và “tđ do bình đđng tiđp cđn và đđ vào khu vđc này vì bđt kđ lí do nào [và] tiđn hành các hođt đđng biđn, công nghiđp, mđ và thđđng mđi mà khđng gđp bđt kđ sđ cđn trđ nào trên cđ sđ bình đđng tuyđt đđi.”

[45]

Phđđng pháp sáng tđo này đđi vđi chđ quyđn, hài hoà lđi ích chung cđa các bên vđi sđ đđng hđ cđa cđng đđđng quđc tđ, đđ gđp phđn vào an ninh khu vđc thông qua viđc tránh đđđc xung đđt, quđn lý hiđu quđ nguđn tài nguđn sinh vđt và phi sinh vđt, và gđp phđn hiđu quđ vào nghiđn cđu khoa hđc quđc tđ. Do đđ, đđy có thđ đđđc coi là

một mô hình tiềm năng đối với việc đưa ra một quyết định đàm phán trong tranh chấp xung quanh quần đảo Trường Sa.

Tư tưởng Tianxia mới và Quyên tài phán. Có rất nhiều ví dụ về những thoả hiệp tác nhằm chia sẻ quyền tài phán đối với tài nguyên biển và có thể áp dụng hiệu quả đối với Biển Đông, bao gồm các quốc gia ở phía Đông và Đông Nam châu Á. Khu vực đánh cá chung của Việt Nam và Trung Quốc ở Vịnh Bắc Bộ là một ví dụ về phương pháp tiếp cận đối với việc chia sẻ chung chéo các quyền tài phán, chia sẻ lợi ích chung và lâu dài. [\[46\]](#) Các yếu tố có ích trong thoả thuận này bao gồm các khu vực phân định ranh giới của luật trong nước, khu vực hợp tác quản lý với các pháp lý chung và một thoả thuận quản lý hợp tác. [\[47\]](#)

Theo thoả thuận này, Ủy ban Hợp tác Ngư nghiệp - Joint Fishery Committee (JFC) đã được thành lập bao gồm đại diện của mỗi bên. Hợp tác cùng nhau, các bên quản lý những công việc chung như nghiên cứu nghề cá, tập huấn với các thành viên trong ngành cá và những gợi ý liên quan đến hạn ngạch đánh bắt của các loài khác nhau. JFC có thẩm quyền trong việc kết hợp các phương pháp báo cáo và quản lý nhằm đảm bảo cho các đàn cá không bị đe dọa nghiêm trọng khi số lượng bắt quá nhiều. Các quyết định được đưa ra trên cơ sở đồng thuận, điều này giúp thúc đẩy sự thông minh giữa các bên. Trong những phiên họp hàng năm, JFC thể hiện một “phương pháp quản lý khi lắng nghe” nhằm định ra tổng lượng được phép đánh bắt (TAC) đối với mỗi loài áp dụng với một vài loại trọng tâm và số lượng tàu lớn có thể đánh cá. Tổng lượng được phép đánh bắt được đưa ra trên tình trạng của mỗi loài, để mở rộng của hoạt động đánh bắt cá truyền thống, như những của các phương pháp đánh bắt hiện đại và ảnh hưởng của kết quả quản lý. [\[48\]](#)

Có một thực thể đa phương có thể được coi như mô hình mẫu cho Biển Đông đó là T

chức Nghị cá Tây Bắc đối Tây Dương (NAFO). NAFO quản lý lũng cá ngoài biển khơi trong khu vực giàu tài nguyên cá ở bên ngoài EEZ của các quốc gia ven biển trong khu vực Tây Bắc đối Tây Dương. “Mục tiêu của NAFO là góp phần thông qua tự nguyện và hợp tác nhằm sử dụng đúng đắn nguồn cá tốt nhất, quản lý và bảo tồn hợp lý nguồn tài nguyên cá trong Vùng quy định của Công ước.” [49] Công ước lập ra một Hội đồng Ngụ nghị với mục đích “sử dụng tài nguyên cá tốt nhất” và áp dụng hạn ngạch đánh bắt cá hàng năm trên cơ sở tự nguyện của Hội đồng Khoa học. Hạn ngạch đánh bắt cá mỗi năm, theo từng loài, do Hội đồng của các thành viên xác định, có cân nhắc đến các mô hình đánh bắt cá truyền thống và cũng đồng dân cư ven biển, những người sống chủ yếu là nghề nguồn tài nguyên cá trên biển.

Hội đồng cũng chịu trách nhiệm trong việc áp dụng “các phương pháp quốc tế trong quản lý và thực thi quy định”, theo đó mỗi quốc gia thành viên có thể tham gia vào quy định thực hiện hạn ngạch chung. [50] Các phương pháp thực thi quy định chung bao gồm 1) sử dụng hệ thống bắt buồm để giám sát tàu đánh cá thông qua vệ tinh theo dõi để cập nhật vị trí của tàu mỗi lần sau vài giờ, 2) một chương trình giám sát bắt buồm theo đó, mỗi tàu đánh cá trong khu vực quy định buồm phải mang lên tàu một thiết bị giám sát để lắp và công bằng để theo dõi tất cả các hoạt động đánh cá và báo cáo nếu có bất cứ vi phạm nào, và 3) và một chương trình thanh tra và giám sát hạn hợp, theo đó các bên tham gia ký kết thường xuyên trao đổi “thanh tra đối diện” (hiện nay là Canada và Liên minh Châu Âu) để giám sát việc các tàu cá của các bên tham gia ký kết có nghiêm túc thực hiện các quy định và gửi báo cáo những trường hợp vi phạm lên chính phủ của bên tham gia ký kết có tàu cá vi phạm để điều tra sâu hơn và xử lý hành chính hoặc đưa ra pháp luật. [51] Kế hoạch phát triển

riêng tất cả của NAFO trong việc điều hòa lợi ích đa phương trong nghề cá và việc thực thi quy định chung có thể coi là một mô hình có lợi đôi bên đối với Hội đồng tự duy *Tianxia* trong hợp tác ngụ nghị ở Biển Đông.

Tự động Tianxia mới và Sự kiểm soát

Điêu gì đã xảy ra tại Hà Nội trong Diễn đàn khu vực ASEAN mùa hè vừa? Hoa Kỳ và các nước ASEAN đã nói rõ với Trung Quốc rằng tuyên bố của nước này là không bình đẳng theo luật quốc tế, đúng là chính trị trong khu vực, và chính trị của các công quốc lớn. Một Báo cáo đã được xuất bản về các xích mích đang tăng lên trong khu vực về vấn đề an ninh và mong muốn của các quốc gia trong khu vực cho thấy sự quan tâm mới của Mỹ tới tình hình an ninh Đông Nam Á. Theo nhà phân tích quốc phòng của Úc nói, "Xuyên suốt từ đầu tới cuối, Trung Quốc đang chứng kiến sự thay đổi không khí vô cùng lớn. ... Ý niệm về các mối đe dọa của Trung Quốc, do những nỗ lực riêng của chính nước này, đang được hồi sinh "

[\[52\]](#)

Trong suốt những tháng này, Ngoại trưởng Mỹ Hilary Clinton đã có các hội đàm với các bên tham gia vào Diễn đàn khu vực ASEAN rằng tự do hàng hải vì tất cả các mục đích, bao gồm các hoạt động quân sự, là một lợi ích quốc gia trong ý của Mỹ và là lợi ích của

tất cả

các nước phụ thuộc vào tuyến đường biển mở và an toàn này. Thật vậy, "tất cả" bao gồm cả Trung Quốc. Và chính điều này từ rất lâu đã gây bối rối cho các nhà phân tích an ninh của Mỹ về việc Trung Quốc đã theo đuổi một chính sách hàng hải tự do pháp quốc tế mà đồng nghĩa phần lớn dựa trên các mục tiêu khu vực và xung đột với lợi ích toàn cầu rộng lớn hơn của Trung Quốc.

Listen

Read phonetically

Dictionary - [View detailed dictionary](#)

Trong mối quan tâm của các quốc gia khác về quan điểm luật pháp quốc tế của Trung Quốc là câu hỏi Trung Quốc sẽ trở thành một công quốc như thế nào khi nước này tiếp tục lớn mạnh? Liệu quốc gia này có sẽ đồng sức mạnh đang tăng để giành lấy lợi ích riêng của mình bất chấp lợi ích của các quốc gia khác? Nếu vậy, con đường thắng-thua này sẽ dẫn đến xung đột. Hoặc liệu Trung Quốc sẽ thực hiện vai trò lãnh đạo tích cực hơn trong cấu trúc hiện tại các chuỗi mở, thế chấp, và luật pháp quốc tế và tìm cách phát triển các giải pháp thắng-thắng cho các vấn đề về chung chèo lợi ích hay không? Liệu cuối thế kỷ 21 có chứng kiến một Hoa Kỳ mạnh mẽ, một Trung Quốc mạnh mẽ, hay một Hoa Kỳ và Trung Quốc cùng mạnh mẽ, một quan hệ đối tác khu vực hàng đầu những lợi ích an ninh phi truyền thống là hàng tiếp cận thông-thông của đồng đồng lực về các lợi ích chung giữa những công đồng trong quan hệ quốc tế.

Kết luận

Ba tranh chấp trong biển Đông là nguồn cơn của sự bất ổn định và thậm chí là xung đột trong hơn bốn thập kỷ qua. Chẳng khi nào phần lớn tiêu cực đối với sự cố Mischief Reef năm 1995 và sự chuyển đổi của Trung Quốc sang chính sách đối lập trung tâm vào hai nhóm khu vực và phát triển nguồn tài nguyên chung mới có một giai đoạn hòa bình tương đối. Hòa bình và an ninh trong tương lai ở Biển Đông đòi hỏi tất cả các nước trong khu vực phải duy trì tập trung vào lợi ích chung, hơn là chỉ theo đuổi lợi ích quốc gia mình. Vì vậy, năm này sẽ bao gồm cam kết có sự đổi mới của tất cả các nước trong khu vực để tập trung vào hai nhóm chính trị, kinh tế và thông tin mới và phát triển chung của nguồn tài nguyên sinh vật và phi sinh vật biển đã hình thành một di sản chung của châu Á.

Các quốc gia nằm ngoài khu vực mà có lợi ích trong khu vực, trong đó có Hoa Kỳ, có thể cung cấp hỗ trợ và giúp đỡ đầy ý nghĩa trong những nỗ lực này.
Listen

Read phonetically

Dictionary - [View detailed dictionary](#)

Đột biến một tình hình ổn định khu vực lâu dài đòi hỏi các cách tiếp cận mới. Những mâu thuẫn hiện tại về chủ quyền, quyền tài phán và việc kiểm soát đang dựa trên cách tiếp cận thắng-thua mà có thể dẫn đến một số dàn xếp chủ yếu dựa trên quyền lực, nhưng những dàn xếp này có thể không phải là cuối cùng vì chúng không quan tâm đến lợi ích chung lâu dài của những quốc gia khác. Ngày nay là một thời điểm kêu gọi tất cả các bên phải phát triển các hình thức mới của phương pháp giải quyết vấn đề thắng-thắng. Những phương pháp tiếp cận này liên quan đến quyền lực chia sẻ, hơn là quyền lực độc quyền, và tập trung vào lợi ích chung, hơn là chỉ theo cách tiếp cận dân tộc chủ nghĩa chủ đáp ứng nhu cầu của quốc gia đó. Chẳng có hình thức duy nhất, cả tiếng Tianxia mới này mới đem báo rợng

diện biển của các số kiến thức 21 không lập lại số đối đầu và xung đột mà đã từng từng trải qua các số kiến thức trong thế kỷ 20.

GS. Peter Dutton, Viện nghiên cứu Biển Trung Quốc, Học viện Hải quân Hoa Kỳ

Bản quyền thuộc NCB

Tài liệu PDF [tìm đây](#)

[1] Để biết thêm chi tiết, xem John M. Macdonald, 'Artificial Reef Debate: Habitat Enhancement or Waste D

[1] <http://www.aseansec.org/13163.htm> .

[2] Jason Folkmanis, "China Warns Some Oil Companies on Work with Vietnam, U.S. Says," *Bloomberg*, July 16, 2009, trên trang <http://www.bloomberg.com/apps/news?pid=newsarchive&sid=ak.lQfnkDStU>

[3] Joshua P. Rowan, "The U.S.-Japan Security Alliance, ASEAN, and the South China Sea Dispute," *Asian Security*, Vol. XLV, No. 3, May/June 2005, pp. 414, 419-429.

[4] Li Jinming and Li Dexia, "The Dotted Line on the Chinese Map of the South

China Sea: A Note,” *Ocean Development and International Law*, Volume 34 (2003), p. 287-95.

[5] Wang Shumei, Shi Jiazhu, and Xu Mingshun, “Carry Out the Historic Mission of the Army and Establish the Scientific Concepts of Sea Rights,” *Zhongguo Junshi Kexue* (China Military Science), Beijing, February 1, 2007, p. 139-46 (OSC CPP20070702436003).

[6] “South China Sea: Controversies and Solutions—Interview with Liu Nanlai,” *Beijing Review*, Beijing, June 4-10, 2009.

[7] Hong Nong, Viện Quốc gia về Nghiên cứu Biển Đông, thuyết trình được trình bày tại trường Đại học Hawaii và Trung tâm nghiên cứu châu Á - Thái Bình Dương, Honolulu, 1/10/2010.

[8] Về kiến đánh bắt cá (Anh và Na uy) về xét xử ngày 18 tháng 12 năm 1951, Báo cáo Tòa án Quốc tế 1951, trang. 116.

[9] Mark J. Valencia, Jon M. Van Dyke, and Noel A. Ludwig, *Sharing the Resources of the South China Sea*

University of Hawaii Press (Honolulu: 1999), plate 1. L

Quá trình

những tuyên bố về chủ quyền và kiểm soát trên các đảo của quần đảo Trường Sa là khác nhau

, ví dụ có thể xem Rowan, “The U.S.-Japan Security Alliance, ASEAN, and the South China Sea Dispute,” n. 1 nh

trên

, về mặt vài quan điểm khác.

[10] *Arbitral Award of His Majesty the King of Italy on the Subject of the Difference Relative to the Sovereignty over Clipperton Island (France v. Mexico)*, January 28, 1931, *American Journal of International Law*, Vol. 26, (1932), p. 390;

Arbitral Award Rendered in Conformity with the Special Agreement Concluded on January 23, 1925, Between the United States of America and the Netherlands Relating to the Arbitration of Differences Respecting Sovereignty over the Island of Palmas (Miangas)

, April 4, 1928, in *American Journal of International Law*, Vol. 22 (1928), p. 867;

The Minquiers and Ecrehos Case (France/United Kingdom)

, 1953 *International Court of Justice* 47;

Land, Island and Maritime Frontier Dispute (El Salvador/Honduras; Nicaragua intervening)

, 1992 *Journal of Law and International Studies* 351 c. Luật pháp Quốc tế.

[11] “Major General: ‘South China Sea is China’s Core Interest’ is Not an Official Policy,” *China Review News*, October 12, 2010, <http://www.chinareviewnews.com>

[12] “China’s Maritime Rights and Navy,” *Shijie Zhishi* (World Knowledge), Beijing, January 1, 2009 (OSC CPP20090123587001).

[13] Mark J. Valencia, Jon M. Van Dyke, and Noel A. Ludwig, *Sharing the Resources of the South China Sea*

University of Hawaii Press (Honolulu: 1999), p. 77. Các tác giả cho rằng: “Trung Quốc đang nỗ lực phát triển chính sách ba không để đối phó với vấn đề quần đảo Trường Sa – không có tuyên bố chi tiết, không có thỏa thuận đa phương, và không quốc tế hóa vấn đề này bao gồm cả việc không liên kết với các công quốc bên ngoài”. Chính sách của Trung Quốc đang nỗ lực vẫn không thay đổi trong suốt 11 năm qua.

[14] Trong một bản tuyên bố về đường kẻ gồm 9 gạch gạch đây, xem lá thư của Phái đoàn thường trực của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tại Liên Hợp Quốc gửi Đại sứ quán Ban Ki-Moon, New York, 7/5/2009 (CML/18/2009), trên trang http://www.un.org/Depts/los/clcs_new/submissions_files/mysvnm33_09/chn_2009re_mys_vnm_e.pdf

[15] *Bảng yêu sách quyền tài phán biển (tính đến ngày 31/7/2010)*, http://www.un.org/Depts/los/LEGISLATIONANDTREATIES/PDFFILES/table_summary_of_claims.pdf

. Về yêu sách của Đài Loan, xem

CIA World Fact Book, Maritime Claims

, at

<https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/fields/2106.html>

[16] “China Dismisses Japan’s Claim of Tiny Atoll in Pacific, *Xinhua (on line)*,” January 19, 2010.

[17] *Statement on the Territorial Sea, the Contiguous Zone, the Exclusive Economic Zone and the Continental Shelf of 12 May 1977*, trên trang: http://www.un.org/Depts/los/LEGISLATIONANDTREATIES/PDFFILES/VNM_1977_Statement.pdf

[18] *Statement on the Territorial Sea, the Contiguous Zone, the Exclusive Economic Zone and the Continental Shelf of 12 May 1977*, trên trang: http://www.un.org/Depts/los/LEGISLATIONANDTREATIES/PDFFILES/VNM_1977_Statement.pdf

[19] *Limits in the Sea, No. 99, Straight Baselines: Vietnam*, United States Department of State, Bureau of Intelligence and Research, December 12, 1983, trên trang: <http://www.state.gov/documents/organization/58573.pdf>

[20] *Exclusive Economic Zone Act, 1984, Act No. 311 An Act pertaining to the exclusive economic zone and certain aspects of the continental shelf of Malaysia and to provide for the regulations of activities in the zone and on the continental shelf and for matters connected therewith*, trên trang http://www.un.org/Depts/los/LEGISLATIONANDTREATIES/PDFFILES/MYS_1984_Act.pdf

[21] Malaysia-Socialist Republic of Vietnam, Joint Submission to the Commission on the Limits of the Continental Shelf Pursuant to Article 76, paragraph 8 of the United Nations Convention on the Law of the Sea 1982 in respect of the southern part of the South China Sea, Executive Summary,, 5/2009, có tài đính kèm <http://w>

www.un.org/Depts/los/clcs_new/submissions_files/mysvnm33_09/mys_vnm2009executivesummary.pdf

[22] *Republic of the Philippines Public Act No. 9522*, available at: http://www.un.org/Depts/los/LEGISLATIONANDTREATIES/PDFFILES/phl_2008_act9522.pdf

[23] *Presidential Decree No. 1599 of 11 June 1978 establishing an Exclusive Economic Zone and for other purposes*, available at: http://www.un.org/Depts/los/LEGISLATIONANDTREATIES/PDFFILES/PHL_1978_Decree.pdf

[24] *Presidential Proclamation No. 370 of 20 March 1968 Declaring as Subject to the Jurisdiction and Control of the Republic of the Philippines all Mineral and other Natural Resources in the Continental Shelf*, có t*h*i đ*o*ng d*o*n: http://www.un.org/Depts/los/LEGISLATIONANDTREATIES/PDFFILES/PHL_1968_Proclamation.pdf

[25] *Convention on the Continental Shelf*, Geneva, April 29, 1958, có t*h*i đ*o*ng d*o*n: http://untreaty.un.org/ilc/texts/instruments/english/conventions/8_1_1958_continental_shelf.pdf

[26] Captain Raul Pedrozo, U.S. Navy, "Close Encounters at Sea: The USNS *Impeccable* Incident," *Naval War College Review*, Vol. 62. No. 3, Summer 2009, p. 101.

[27] Mark MacDonald, "U.S. Navy Provoked South China Sea Incident, China Says," *New York Times*, March 10, 2009, có t*h*i đ*o*ng d*o*n: <http://www.nytimes.com/2009/03/10/world/asia/10iht-navy.4.20740316.html>

[28] Ann Scott Tyson, “Destroyer to Protect Ship Near China,” Washington Post, March 13, 2009, có tài đề cập đến: <http://www.washingtonpost.com/wp-dyn/content/article/2009/03/12/AR2009031203264.html>

[29] Ben Blanchard, “China Says Will Respect South Seas Navigation Freedom,” Reuters, July 31, 2010, có tài đề cập đến: <http://www.abs-cbnnews.com/global-filipino/world/07/30/10/china-says-will-respect-south-seas-navigation-freedom>

[30] Donald K. Emmerson, PacNet #45, *China’s ‘Frown Diplomacy’ in Southeast Asia*, Pacific Forum CSIS, October 6, 2010, có tài đề cập đến: <http://csis.org/files/publication/pac1045.pdf>

[31] Tôi chân thành cảm ơn người đóng góp Nan Li đã cung cấp nhiều thông tin cho phần này.

[32] M. Taylor Fravel, *Strong Borders, Secure Nation: Cooperation and Conflict in China’s Territorial Disputes*, Princeton University Press (2008).

[33] Mark J. Valencia, Jon M. Van Dyke, and Noel A. Ludwig, *Sharing the Resources of the South China Sea*, University of Hawaii Press (Honolulu: 1999), p. 87.

[34] Tôi gửi lời cảm ơn tài đề cập đến người đóng góp Lyle Goldstein đã cung cấp nhiều thông tin cho phần này.

[35] Zhang Wenmu, *China Report*, August 2009, p.28, (CMSI Translation).

[36] Bình luận được đăng tải trên trang web của công ty, 10/6/2010.

[37] Fisheries Management: Focusing on a Rights-Based Regime, 2006.

[38] “Fifth Stroll Around the World Expo—A Blue Water Navy: Imaginings in the World Expo Garden,” *Dangdai Haijun*, August 1, 2010, p.28. (OSC TranslationCPP20100928090014).

[39] Peng Guangqian, “China’s Maritime Rights and Interests,” in Dutton, Peter (ed.) *Military Activities in the EEZ: A U.S.-China Dialogue on Security and International Law in the Maritime Commons*, China Maritime Studies #7, Naval War College Press, Newport (2010, forthcoming).

[40] H.J. MacKinder, “The Geographical Pivot of History,” *The Geographical Journal*, Vol. XXIII, No. 4, (1904).

[41] Tôi xin cảm ơn Giáo sư Alan Carlson của trường Đại học Cornell và vì các sự đóng góp của ông trong bài này.

[42] Ma Xiaotian Speaks at Xinagshan Forum, *China Review News* (on line), October 22, 2010, available at www.chinareviewnews.com.

[43] Mark J. Valencia, Jon M. Van Dyke, and Noel A. Ludwig, *Sharing the Resources of the South China Sea*, University of Hawaii Press (Honolulu: 1999), Chapter VIII.

[44] *Treaty between Norway, The United States of America, Denmark, France, Italy, Japan, the Netherlands, Great Britain and Ireland and the British overseas Dominions and Sweden concerning Spitsbergen signed in Paris 9th February 1920*, có tài đường dẫn:

<http://www.lovdato.no/traktater/index.html>

[45] *Treaty between Norway, The United States of America, Denmark, France, Italy, Japan, the Netherlands, Great Britain and Ireland and the British overseas Dominions and Sweden concerning Spitsbergen signed in Paris 9th February 1920*, có tài đường dẫn:

<http://www.lovdato.no/traktater/index.html>

, Article 3.

[46] Yu, Yunjun and Yongtong Mu, "The new institutional arrangements for fisheries management in Beibu Gulf," *Marine Policy*, Volume 30, Issue 3, May 2006, pp. 249-260.

[47] Thao, Nguyen Hong, "Maritime Delimitation and Fishery Cooperation in the Tonkin Gulf," *Ocean Development & International Law*, Vol. 36, (2005) pp. 25-44,

[48] David Rosenberg, "Managing the Resources of the China Seas: China's Bilateral Fisheries Agreements with Japan, South Korea, and Vietnam," *The Asia-Pacific Journal: Japan Focus* (online), có tài đường dẫn:

<http://www.japanfocus.org/-David-Rosenberg/1789>

[49] Thông tin về Tổ chức nghề cá Tây Bắc Thái d'ông có tài đường dẫn: <http://www.nafo.int/about/frames/about.html>

[50] *Convention on Future Multilateral Cooperation in the Northwest Atlantic Fisheries*, Article XI.

[51] *Convention on Future Multilateral Cooperation in the Northwest Atlantic Fisheries*, Regulations, có thể
đường dẫn: [http://w
ww.nafo.int/fisheries/frames/regulations.html](http://www.nafo.int/fisheries/frames/regulations.html)

[52] Edward Wong, “China’s Disputes in Asia Buttress Influence of U.S.,” *New York Times*, September 23, 2010.